

báo lại cho Ủy ban nhân dân huyện nơi chuyển danh sách đến (nếu có) biết.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sau khi tiếp nhận danh sách và bản tổng hợp của cấp huyện, chịu trách nhiệm giúp Ban chỉ đạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý danh sách đối tượng được đề nghị xác nhận người có công; tổng hợp số lượng đối tượng và phân loại theo thẩm quyền giải quyết của các cơ quan (theo nội dung mẫu số 6) và báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 30 tháng 11 năm 2001.

8. Những hồ sơ đề nghị xác nhận người có công với cách mạng do Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan chuyển đến (kể cả hồ sơ đã tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phải thực hiện ngay việc kiểm tra, lập thủ tục giải quyết theo quy định hiện hành.

9. Đối với người đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động vì có thành tích đặc biệt xuất sắc trong hai cuộc kháng chiến và người đề nghị khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến vì có công giúp đỡ cách mạng hoặc có thời gian tham gia kháng chiến thì thực hiện theo hướng dẫn của Viện Thi đua và Khen thưởng Nhà nước.

Riêng đối với người hoạt động kháng chiến đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương, Huy chương tổng kết thành tích kháng chiến chưa được hưởng trợ cấp mà còn sống hoặc đã chết từ ngày 01 tháng 1 năm 1995 trở về sau thì Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan cần khẩn trương hướng dẫn cá nhân làm bản khai và lập thủ tục theo quy định tại điểm 1 Mục IV của Thông tư số 25/2000/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 10 năm 2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp Ban chỉ đạo thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công và

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn và tổ chức kiểm tra, rà soát các trường hợp đã được xác nhận. Nếu phát hiện có sai phạm thì phải kịp thời xem xét, xác minh, kết luận hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định và xử lý theo các Điều 72, 73, 74 của Nghị định số 28/CP ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Chính phủ.

11. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 12 năm 2001.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có gì vướng mắc đề nghị các cơ quan, các địa phương phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu hướng dẫn./.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

THÔNG TƯ số 11/2001/TT-BLĐTBXH
ngày 11/6/2001 hướng dẫn thực hiện
Quyết định số 37/2001/QĐ-TTg
ngày 21/3/2001 của Thủ tướng Chính
phủ về việc nghỉ dưỡng sức, phục
hồi sức khỏe cho người lao động
tham gia bảo hiểm xã hội.

Thực hiện Quyết định số 37/2001/QĐ-TTg ngày 21/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Tài chính, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và một số Bộ, ngành liên quan, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đối tượng áp dụng nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe theo quy định tại Quyết định số 37/2001/QĐ-TTg ngày 21/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ là người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc quy định tại Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26/1/1995; Nghị định số 45/CP ngày 15/7/1995; Nghị định số 73/1999/ND-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ và Quyết định số 58/TTg ngày 03/2/1994 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

- Cán bộ, công chức đang làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, cơ quan Đảng, đoàn thể từ Trung ương đến cấp huyện;
- Người lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh có sử dụng từ 10 lao động trở lên;
- Người lao động làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, khu chế xuất, khu công nghiệp, cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam;
- Người lao động làm việc trong các tổ chức kinh doanh dịch vụ thuộc cơ quan hành chính sự nghiệp, cơ quan Đảng, đoàn thể;
- Người lao động làm việc trong các doanh nghiệp, các tổ chức dịch vụ thuộc lực lượng vũ trang;
- Người giữ chức vụ dân cử, bầu cử làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể từ Trung ương đến cấp huyện;
- Quân nhân, công an nhân dân, công nhân viên quốc phòng thuộc diện hưởng lương theo hệ thống tiền lương lực lượng vũ trang;
- Người lao động làm việc trong các cơ sở xã hội hóa ngoài công lập thuộc các ngành giáo dục,

y tế, văn hóa và thể thao đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 12/CP ngày 26/1/1995 của Chính phủ;

- Cán bộ y tế xã, phường đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 12/CP ngày 26/1/1995 của Chính phủ.

II. ĐIỀU KIỆN, THỜI GIAN VÀ MỨC HƯỞNG

1. Điều kiện hưởng:

Người lao động đã đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội theo quy định được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe khi có một trong hai điều kiện sau đây:

a) Có thời gian làm việc và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đủ 3 năm trở lên mà bị suy giảm sức khỏe;

b) Sau khi điều trị do ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (kể cả điều trị nội trú và ngoại trú); nghỉ thai sản (kể cả trường hợp sảy thai), sức khỏe còn yếu.

2. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe:

a) Người lao động có đủ điều kiện quy định tại điểm 1 nêu trên thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ 5 ngày đến 10 ngày trong một năm (tính cả ngày nghỉ hàng tuần, ngày nghỉ lễ, ngày đi và về nếu nghỉ tại cơ sở tập trung) theo các mức quy định tại điểm 3 dưới đây.

b) Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe không bị trừ vào thời gian nghỉ phép hàng năm.

3. Mức chi phí nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe:

- Mức 80.000 đồng/ngày, áp dụng đối với người nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tại cơ sở tập trung. Mức này bao gồm: ăn, ở, đi lại và thuốc chữa bệnh thông thường.

- Mức 50.000 đồng/ngày, áp dụng đối với người nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe tại gia đình, lao động nữ yếu sức khỏe sau khi nghỉ thai sản.

Ngoài các mức quy định trên do quỹ bảo hiểm xã hội cấp, khuyến khích các đơn vị trích từ quỹ phúc lợi để hỗ trợ thêm cho người lao động trong thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp:

a) Để thực hiện chế độ được công bằng, hợp lý, căn cứ vào các điều kiện quy định tại điểm 1 Mục II nói trên, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là đơn vị) phối hợp với Ban chấp hành công đoàn xem xét, quyết định những người lao động đủ điều kiện đi nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe theo các bước dưới đây:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm để xác định những người bị suy giảm sức khỏe và có thời gian làm việc, đóng bảo hiểm xã hội đủ 3 năm trở lên cần phải đi nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

- Đối với những trường hợp bị ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thủ trưởng đơn vị căn cứ vào hồ sơ bệnh án, ý kiến của cơ sở y tế điều trị để xác định những người sức khỏe còn yếu cần nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

- Đối với lao động nữ sau khi nghỉ thai sản (hoặc sảy thai) thì Thủ trưởng đơn vị phối hợp với Ban chấp hành công đoàn, Ban nữ công (nếu có) xem xét, quyết định.

Sau khi đã xác định được những người đủ điều kiện nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, Thủ trưởng đơn vị lập danh sách và cùng Ban chấp hành công đoàn tổ chức cho người lao động nghỉ dưỡng sức tại gia đình hoặc tại cơ sở (tập

trung) tùy theo điều kiện và nguyện vọng của người lao động.

b) Nguồn kinh phí để chi phí nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe của đơn vị không vượt quá 0,6% tổng quỹ lương thực đóng bảo hiểm xã hội một năm của đơn vị. Trong trường hợp đơn vị chi không hết số kinh phí được cấp thì số tiền còn lại phải nộp vào quỹ bảo hiểm xã hội; nếu chi vượt quá thì không được cấp bù mà phải trích bổ sung từ nguồn của đơn vị.

c) Hàng năm, các đơn vị có trách nhiệm quyết toán kinh phí nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe của đơn vị mình với cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành.

2. Trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội:

a) Bảo hiểm xã hội Việt Nam hướng dẫn Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bảo hiểm xã hội của quân đội, của công an để lại đơn vị sử dụng 0,6% tổng quỹ tiền lương thực đóng bảo hiểm xã hội (được trích từ nguồn đóng bảo hiểm xã hội 5% tổng quỹ tiền lương của đơn vị cho 3 chế độ ngắn hạn: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp) ngay từ quỹ đầu của năm kế hoạch để đơn vị chủ động tổ chức cho người lao động nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

b) Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức quản lý, cấp và quyết toán kinh phí nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe cho các đơn vị.

c) Hàng năm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe trong báo cáo chung về thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tổ

chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2001. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
Thủ trưởng

LÊ DUY ĐỒNG

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 42/2001/TT-BTC ngày 12/6/2001 hướng dẫn quản lý, hạch toán vốn hoàn thuế giá trị gia tăng cho các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 20/3/1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước số 06/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 02/1997/QH9 ngày 10/5/1997 và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Quyết định số 223/1999/QĐ-TTg ngày 07/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA);

Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, hạch toán thuế giá trị gia tăng đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn ODA như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Các dự án đầu tư sử dụng vốn vay ODA (bao gồm các dự án sử dụng vốn vay và các dự án sử dụng nguồn ODA hỗn hợp) thuộc diện được ngân sách nhà nước đầu tư không hoàn trả được Nhà nước hoàn lại số thuế giá trị gia tăng mà các chủ dự án hoặc nhà thầu chính (gọi chung là đơn vị được hoàn thuế) đã nộp ngân sách khi nhập khẩu và mua hàng hóa, dịch vụ trong nước để thực hiện dự án.

- Nguồn hoàn thuế là Quỹ hoàn thuế giá trị gia tăng.

- Sau khi được hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Thông tư số 122/2000/TT-BTC ngày 29/12/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 79/2000/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng, cơ quan tài chính và chủ dự án phải thực hiện ghi tăng vốn đầu tư ngân sách cấp cho dự án và hàng năm quyết toán đầy đủ vào giá trị công trình, tài sản của đơn vị.

2. Các dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Trường hợp các chủ dự án, nhà thầu chính đã trả thuế giá trị gia tăng trong giá mua hàng hóa, dịch vụ được Nhà nước hoàn lại số thuế đã nộp.

3. Các chủ dự án nêu tại điểm 1 và 2 nêu trên không phải bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm để nộp thuế giá trị gia tăng.

Đơn vị được hoàn thuế đã trả thuế giá trị gia tăng trong giá mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án trước ngày 07 tháng 12 năm 1999